

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC HÓA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22 /2021/DS-ST

Ngày: 11/5-2021

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC HÓA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khởi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lai

2. Ông Võ Ngọc Bội

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1985, địa chỉ: Ấp Đ, xã S, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Trương Thị Thanh T, sinh năm 1993, địa chỉ: phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông Lê Thành N, sinh năm: 1990, địa chỉ: xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An

Bà Tuyên, ông N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình xét xử, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Vào ngày 5/6/2020 ông N có hỏi mượn của bà H số tiền 135.000.000đ, khi mượn hai bên có làm biên nhận nợ và hẹn đến ngày 20/6/2020 sẽ trả hoàn tất, khi đến hạn trả tiền bà H có gọi điện đòi nhiều lần nhưng ông N không thanh toán cho bà theo đúng như thoả thuận. Nay bà H yêu cầu ông

Lê Thành N phải trả số tiền 135.000.000đ và tiền lãi theo quy định tính từ ngày 20/6/2020 cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Tài liệu, chứng cứ bà H cung cấp: “Biên nhận” ghi ngày 05/6/2020.

- Ý kiến của bị đơn ông Lê Thành N: Ông N thừa nhận vào ngày 05/6/2020 có ký giấy nợ cho bà H với số tiền 135.000.000đ, có thoả thuận thời gian trả là 20/6/2020, nhưng trong thời gian này ông N có làm cò mua bán đất cho bà H, nhưng bà H không trả tiền cò cho ông N nên ông N không trả tiền vay cho bà H, nay với yêu cầu của bà H thì ông N đồng ý trả số tiền gốc là 135.000.000đ, không đồng ý trả lãi, xin trả dần hàng tháng trong 05 tháng sẽ trả hết.

Tài liệu, chứng cứ ông N cung cấp: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Xét thấy, bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ông Lê Thành N trả số tiền phát sinh từ hợp đồng vay tài sản được quy định tại Bộ luật Dân sự và bị đơn cư trú tại xã T, huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H:

[2.1] Căn cứ “Biên nhận” ghi ngày 05/6/2020 thể hiện nội dung như sau: “Tôi: Lê Thành N Có nợ chị Nguyễn Thị Thu H Số tiền là 135.000.000 VND.....”, phía dưới tại mục “ngày tháng năm” có chữ ký của ông Lê Thành N. Tại phiên tòa, ông N thừa nhận chữ ký trong biên nhận là của ông N. Ngoài ra ông N đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án, đã nhận bản sao các chứng cứ nguyên đơn cung cấp, đã biết yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng không có ý kiến phản đối.

Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định tình tiết bà H trình bày và chứng cứ “Biên nhận” ghi ngày 05/6/2020 là đúng sự thật, có đủ căn cứ xác định ông N còn nợ bà H số tiền gốc là 135.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà ông N trả số tiền gốc là 135.000.000 đồng.

[3] Về tiền lãi:

Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Tuyền yêu cầu tính lãi với mức 20%/năm là phù hợp theo quy định tại khoản 5 Điều 466 và khoản 1

Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tiền lãi được tính từ ngày 20-6-2020 đến ngày 10-5-2021 như sau:

$135.000.000\text{đ} \times 20\%/năm \times 10 \text{ tháng } 20 \text{ ngày}$

$135.000.000 \text{ đồng} \times 1,67\% / \text{ tháng} \times 10 \text{ tháng } 20 \text{ ngày} = 24.000.000 \text{ đồng}.$
Tổng cộng gốc và lãi là: 159.000.000đ (Một trăm năm mươi chín triệu đồng)

[4] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Tại phiên tòa, các bên thống nhất không thỏa thuận việc trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền và bà Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền sau khi xét xử được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[6] Về án phí:

Ông Lê Thành N có nghĩa vụ chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà H được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H đối với ông Lê Thành N.

Buộc ông Lê Thành N trả cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền gốc và lãi là: 159.000.000đ (Một trăm năm mươi chín triệu đồng) (Trong đó gốc là 135.000.000đ và tiền lãi là 24.000.000đ)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Thành N chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.950.000đ (Bảy triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 3.571.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000186, ngày 23/2/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Hóa.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Thành N có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án .

4. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mộc Hóa;
- Chi cục THADS huyện Mộc Hóa;
- TAND tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khởi